

Số: 1443/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 04 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 quận Hồng Bàng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 25/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết: Số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017, số 20/NQ-HĐND ngày 12/7/2018, số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018, số 14/NQ-HĐND ngày 27/3/2019, số 37/NQ-HĐND ngày 19/7/2019, số 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất; dự án, công trình cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; mức vốn ngân sách Nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố (năm 2018, 2019 và 2020);

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 204/TTr-STN&MT ngày 20/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của quận Hồng Bàng với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Tổng số 21 dự án/26,34 ha đất quy hoạch thực hiện dự án, cụ thể:

- Kế hoạch sử dụng đất (Biểu số 01).
- Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất (Biểu số 02).
- Kế hoạch thu hồi các loại đất (Biểu số 03).
- Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng (Biểu số 04).
- Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2020 (Biểu số 05).

Điều 2.

1. Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng có trách nhiệm:

a) Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất các dự án, công trình theo đúng danh mục dự án, công trình phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất được Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt và quy định của pháp luật hiện hành.

c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất, các trường hợp được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng sai mục đích; kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, đảm bảo thực hiện đúng tiến độ đã cam kết trong dự án.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng tổ chức thực hiện Quyết định này;

b) Căn cứ quy định tại Điều 67 Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kiểm tra, rà soát những dự án, công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của quận; loại bỏ ra khỏi danh mục những dự án, công trình không đủ điều kiện, đảm bảo việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đúng quy định của pháp luật;

c) Rà soát, tổng hợp hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đối với các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai 2013 trước khi thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

d) Lưu trữ toàn bộ hồ sơ, tài liệu thẩm định, trình duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của quận Hồng Bàng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBNDTP;
- Như Điều 3;
- CVP, các PCVP;
- CV: ĐC3, ĐC2, ĐC1, QH, XD, GT, NN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Chuyên

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 CỦA QUẬN HỒNG BÀNG
(Kèm theo Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo các đơn vị hành chính										
				Quán Toan	Hùng Vương	Sở Dầu	Thượng Lý	Hạ Lý	Minh Khai	Hoàng Văn Thụ	Quang Trung	Phan Bội Châu	Phạm Hồng Thái	Trại Chuối
1	2	3	(4=5+...+15)	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Đất nông nghiệp	NNP	121,42	21,83	92,69	6,90								
1.1	Đất trồng lúa	LUA	103,18	19,40	83,78									
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>103,18</i>	19,40	83,78									
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	7,03	2,40	1,70	2,93								
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,51		0,51									
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH												
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD												
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX												
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	10,70	0,03	6,70	3,97								
1.8	Đất làm muối	LMU												
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH												
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.304,33	227,65	323,14	317,67	150,17	107,09	63,35	30,29	14,62	14,93	13,66	41,76
2.1	Đất quốc phòng	CQP	31,61	0,15	6,80	5,93	-	9,42	7,78	1,51	0,01	0,01	-	-
2.2	Đất an ninh	CAN	3,03	0,20	0,11	0,36	0,05	0,03	1,78	0,29	0,04	0,09	0,01	0,07
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK												
2.4	Đất khu chế xuất	SKT												
2.5	Đất khu cụm công nghiệp	SKN												
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	50,51	1,45	9,53	18,09	6,61	0,32	10,46	2,79	1,01		0,25	
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	296,90	87,64	70,14	100,82	1,38	30,95	1,68	0,46	0,06			3,77
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS												
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	314,77	54,32	64,75	52,53	65,05	16,85	20,20	12,00	4,72	6,99	5,65	11,71
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT												
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL												

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo các đơn vị hành chính										
				Quán Toan	Hùng Vương	Sở Dầu	Thượng Lý	Hạ Lý	Minh Khai	Hoàng Văn Thụ	Quang Trung	Phan Bội Châu	Phạm Hồng Thái	Trại Chuối
1	2	3	(4=5+...+15)	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,02	0,02										
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT												
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	350,60	53,41	106,02	77,82	47,65	20,90	7,77	5,05	6,23	5,61	3,91	16,23
2.15	Đất XD trụ sở cơ quan	TSC	12,06	0,33	0,28	4,64	0,10	0,08	4,69	1,66	0,13		0,03	0,12
2.16	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,28	0,21	0,38	0,78	0,11	0,14	0,46	1,16			0,04	
2.17	Đất XD cơ sở ngoại giao	DNG												
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	2,92	0,19	1,97						0,76			
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	3,71	0,26	3,06	0,39								
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX												
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,86	0,08	0,42	0,09	0,03			0,24				
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	9,04					0,17	2,63	5,13	0,86			0,25
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1,03	0,09	0,56	0,27	0,06	0,03			0,02			
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	209,09	29,30	59,07	49,84	24,09	28,20	5,90		0,78	1,22	2,40	8,29
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	14,91		0,05	6,11	5,05					1,01	1,37	1,32
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK												
3	Đất chưa sử dụng	CSD	22,37		16,60	5,44								0,33

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 CỦA QUẬN HỒNG BÀNG
(Kèm theo Quyết định số 1443 /QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích	Diện tích phân theo các đơn vị hành chính										
				Quán Toan	Hùng Vương	Sở Dầu	Thượng Lý	Hạ Lý	Minh Khai	Hoàng Văn Thụ	Quang Trung	Phan Bội Châu	Phạm Hồng Thái	Trại Chuối
1	2	3	(4=5+...+15)	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	3,92	0,91	2,99	0,02								
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	3,90	0,91	2,99									
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	3,90	0,91	2,99									
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	0,02			0,02								
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN												
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN												
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN												
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN												
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	-			0,00								
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	-											
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-											
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		-											
	Trong đó:		-											
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	-											
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	-											
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	-											
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	-											
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	-											

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích	Diện tích phân theo các đơn vị hành chính										
				Quán Toan	Hùng Vương	Sở Dầu	Thượng Lý	Hạ Lý	Minh Khai	Hoàng Văn Thụ	Quang Trung	Phan Bội Châu	Phạm Hồng Thái	Trại Chuối
1	2	3	(4=5+...+15)	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	-											
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)	-											
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)	-											
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	-											
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/ODT	0,18				0,18							

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2020 CỦA QUẬN HỒNG BÀNG
(Kèm theo Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo các đơn vị hành chính										
				Quán Toan	Hùng Vương	Sở Dầu	Thượng Lý	Hạ Lý	Minh Khai	Hoàng Văn Thụ	Quang Trung	Phan Bội Châu	Phạm Hồng Thái	Trại Chuối
1	2	3	(4=5+...+15)	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Đất nông nghiệp	NNP	1,22	0,91	0,29	0,02								
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1,20	0,91	0,29									
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1,20</i>	<i>0,91</i>	<i>0,29</i>									
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,02			0,02								
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN												
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH												
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD												
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX												
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,00											
1.8	Đất làm muối	LMU												
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH												
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4,96		0,16	2,26	0,11	0,00	2,43	0,00				0,00
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,02						0,02					
2.2	Đất an ninh	CAN												
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK												
2.4	Đất khu chế xuất	SKT												
2.5	Đất khu cụm công nghiệp	SKN												
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,11				0,11							
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,40			0,40								
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS												
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1,38		0,16	0,73			0,49					
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT												

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo các đơn vị hành chính										
				Quán Toan	Hùng Vương	Sở Dầu	Thượng Lý	Hạ Lý	Minh Khai	Hoàng Văn Thụ	Quang Trung	Phan Bội Châu	Phạm Hồng Thái	Trại Chuối
1	2	3	(4=5+...+15)	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL												
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA												
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT												
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,93			0,93			0,00					
2.15	Đất XD trụ sở cơ quan	TSC	0,49			0,20			0,29					
2.16	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS												
2.17	Đất XD cơ sở ngoại giao	DNG												
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON												
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD												
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX												
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH												
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,63						1,63					
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN												
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON												
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC												
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK												
	Tổng		6,18											

KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2020 CỦA QUẬN HỒNG BÀNG

(Kèm theo Quyết định số 1443 /QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích	Diện tích phân theo các đơn vị hành chính										
				Quán Toan	Hùng Vương	Sở Dầu	Thượng Lý	Hạ Lý	Minh Khai	Hoàng Văn Thụ	Quang Trung	Phan Bội Châu	Phạm Hồng Thái	Trại Chuối
1	2	3	(4=5+...+15)	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Đất nông nghiệp	NNP												
1.1	Đất trồng lúa	LUA												
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>												
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK												
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN												
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH												
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD												
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX												
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS												
1.8	Đất làm muối	LMU												
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH												
2	Đất phi nông nghiệp	PNN												
2.1	Đất quốc phòng	CQP												
2.2	Đất an ninh	CAN												
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK												
2.4	Đất khu chế xuất	SKT												
2.5	Đất khu cụm công nghiệp	SKN												
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD												
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC												
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS												
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT												
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT												
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL												

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích	Diện tích phân theo các đơn vị hành chính										
				Quán Toan	Hùng Vương	Sở Dầu	Thượng Lý	Hạ Lý	Minh Khai	Hoàng Văn Thụ	Quang Trung	Phan Bội Châu	Phạm Hồng Thái	Trại Chuối
1	2	3	(4=5+...+15)	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA												
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT												
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT												
2.15	Đất XD trụ sở cơ quan	TSC												
2.16	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS												
2.17	Đất XD cơ sở ngoại giao	DNG												
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON												
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD												
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX												
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH												
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV												
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN												
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON												
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC												
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK												
3	Đất chưa sử dụng	CSD	5,22		0,38	4,84								
4	Đất khu công nghệ cao	KCN												
5	Đất khu kinh tế	KKT												
6	Đất khu đô thị	KDT												

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020 CỦA QUẬN HỒNG BÀNG
(Kèm theo Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 04/16/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Loại đất hiện trạng năm 2019	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Đề sử dụng vào loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
A	Các công trình, dự án đã được phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 chuyển tiếp sang năm 2020								
I	Công trình, dự án cần phải thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh								
1	Dự án xây dựng doanh trại Lữ đoàn 649 - Tổng cục Hậu cần thuộc Bộ Quốc phòng (phục vụ dự án chỉnh trang sông Tam Bạc đoạn từ cầu Lạc Long đến công viên Tam Bạc).	Tổng Cục Hậu Cần - Bộ Quốc Phòng	0,25	LUA	0,25	CQP	Hùng Vương	Tờ BĐ số 42, 43	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố; Công văn số 5949/UBND-ĐC ngày 18/9/2018 của UBND TP: Giao Sở TNMT chủ trì cùng Sở Xây dựng, UBND quận Hồng Bàng thực hiện các thủ tục giao khu đất mới tại phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng cho Lữ đoàn 649
II	Công trình, dự án cần phải thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội								
1	Dự án đầu tư xây dựng nút giao thông Nam cầu Bính	Sở GTVT	10,90	CAN, ODT, SKC, TMD, DHT, DKV	2,66	DHT	Sở Dầu, Thượng Lý, Trại Chuối		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND thành phố; Thông báo số 222-TB/TU ngày 24/8/2017 của Thành ủy Hải Phòng đồng ý chủ trương xây dựng Nút giao thông Nam cầu Bính.
2	Dự án bố trí tái định cư tại chỗ thuộc Dự án Nút giao Nam Cầu Bính (mở rộng)	Sở GTVT	0,34	SKC, TMD	0,34	ODT, DHT	Phường Thượng Lý	Tờ BĐ số 24, 25	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 27/3/2019 của HĐND thành phố; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27/3/2019 của HĐND thành phố quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối nút giao Nam cầu Bính đến ngã tư đường Tôn Đức Thắng-QL5-Máng nước; Công văn số 5544/VP-GT3 ngày 03/12/2018 của UBND thành phố đồng ý chủ trương tái định cư cho các hộ dân mặt đường Hà Nội khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng nút giao thông Nam Cầu Bính.

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Loại đất hiện trạng năm 2019	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Để sử dụng vào loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
3	Dự án xây dựng trụ sở Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng (giai đoạn 2)	BHXXH Việt Nam	0,22	ODT, DHT	0,22	DTS	Sở Dầu	Tờ BĐ số 54,61	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố. UBND thành phố có QĐ số 487/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 giao đất (đợt 1) cho Bảo hiểm xã hội thành phố với diện tích 2,510,2m2.
4	Xây dựng trụ sở xưởng in báo Hải Phòng tại khu đất trường tiểu học Hùng Vương	Văn phòng Thành ủy	0,16	DHT	0,16	SKC	Hùng Vương	Tờ BĐ số 26,27	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố; Thông báo số 593-TB/TU ngày 12/11/2018 của Thành ủy Hải Phòng: Ban Thường vụ Thành ủy đồng ý chủ trương về việc bố trí mặt bằng phục vụ di chuyển Công ty TNHH MTV In Báo Hải Phòng.
5	Xây dựng đường Cụm công nghiệp Sở Dầu tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng (vốn xã hội hóa)	UBND quận Hồng Bàng	0,60	SKC, DHT	0,60	DHT	Sở Dầu	Tờ BĐ số 11,12,19	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố; Thông báo số 317/TB-UBND ngày 22/7/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thu hồi đất để xây dựng đường vào Cụm công nghiệp Sở Dầu.
6	Dự án đầu tư xây dựng văn phòng làm việc và cho thuê	Công ty CPTM Duy Linh	0,12	CSD	0,12	TMD	Sở Dầu	Tờ BĐ số 52,59	Quyết định số 3140/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của UBND thành phố phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng văn phòng làm việc và cho thuê tại Khu đô thị mới phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng; Công văn số 1439/UBND-TNMT ngày 07/11/2018 của UBND quận Hồng Bàng, xác nhận khu đất thuộc loại đất bằng chưa sử dụng do UBND quận Hồng Bàng quản lý, không thuộc trường hợp phải thu hồi đất
7	Mở rộng bãi tập kết và bến trung chuyển vật tư thiết bị tại phường Sở Dầu	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tụ Long	1,66	CSD	1,66	TMD	Sở Dầu	Tờ BĐ số 11, 19	Công văn số 4310/VP-ĐC2 ngày 07/9/2018 của UBND thành phố về việc đề nghị thuê đất của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tụ Long tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng.

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Loại đất hiện trạng năm 2019	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Để sử dụng vào loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
8	Dự án Hoàng Huy - Sở Dầu	Công ty CP Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy	0,467	ODT, CSD, DHT	0,467	ODT, DHT	Sở Dầu	Tờ BĐ số 54,61	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố; Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND thành phố quyết định chủ trương đầu tư thực hiện Dự án Hoàng Huy - Sở Dầu.
9	Dự án đầu tư xây dựng Văn phòng và cửa hàng giới thiệu sản phẩm (giai đoạn 2)	Công ty TNHH DV&TM Tân An	0,21	ODT	0,21	TMD	Sở Dầu	Tờ BĐ số 60	Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 14/5/2008 của UBND thành phố về việc thu hồi đất tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng để bồi thường, GPMB (phục vụ cho việc cho thuê đất thực hiện dự án xây dựng Văn phòng và cửa hàng giới thiệu sản phẩm; đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng.
10	Dự án đầu tư Grand Pacific tại Khu đô thị mới 2A, phường Sở Dầu	Công ty TNHH đầu tư Grand Pacific	0,15	CSD	0,15	TMD	Sở Dầu	Tờ BĐ số 51, 52, 58, 59	Công văn số 5832/VP-QH ngày 25/12/2018 Chủ tịch UBND thành phố đồng ý tái triển khai dự án đầu tư Grand Pacific tại Khu đô thị mới 2A, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng; Văn bản số 72/UBND-TNMT ngày 17/01/2020 của UBND quận Hồng Bàng xác nhận đã hoàn thành giải phóng mặt bằng khu đất
11	Dự án cải tạo, chỉnh trang dải Công viên trung tâm đoạn từ đường Điện Biên Phủ đến cổng cảng đường Hoàng Diệu	Sở Xây dựng	3,30	DKV	1,63	DKV	Minh Khai		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung (lần 2) danh mục các dự án đầu tư có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất trên địa bàn thành phố năm 2019; Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 về việc phê duyệt dự án cải tạo, chỉnh trang dải Công viên trung tâm đoạn từ đường Điện Biên Phủ đến Cổng cảng đường Hoàng Diệu.

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Loại đất hiện trạng năm 2019	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Để sử dụng vào loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
12	Mở rộng dự án đầu tư xây dựng kho, bãi tập kết vật liệu xây dựng của Công ty TNHH Quang Hưng	Công ty TNHH Quang Hưng	0,38	CSD	0,38	TMD	Hùng Vương	Tờ BĐ số 03, 04	Công văn số 5074/VP-ĐC2 ngày 01/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố đồng ý chủ trương cho thuê đất đối với Công ty TNHH Quang Hưng tại phường Hùng Vương, quận hồng Bàng; Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND TP phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 quận Hồng Bàng.
III Đấu giá QSDĐ, cơ sở hạ tầng, tài sản gắn liền với đất; đất xen kẹt									
1	Đấu giá QSDĐ Lô đất TM2	UBND quận Hồng Bàng	0,07	CSD	0,07	TMD	Sở Dầu	Tờ BĐ số 51	Công văn số 8605/UBND-ĐC2 ngày 01/12/2017 của UBND thành phố yêu cầu Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng không ký hợp đồng cho cá nhân thuê ngắn hạn; thực hiện các thủ tục để đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích thương mại dịch vụ.
2	Đấu giá QSDĐ lô đất CCQ4 và một phần diện tích CCQ1 tại Khu đô thị mới 2A Sở Dầu, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng (đấu giá đất thương mại)	UBND quận Hồng Bàng	0,81	TSC, DHT, CSD	0,81	TMD	Sở Dầu	Tờ BĐ số 54, 61	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố; Công văn số 3956/VP-ĐC1 ngày 14/8/2018, Ủy ban nhân dân thành phố đồng ý chủ trương đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện Dự án xây dựng khách sạn 5 sao tại Khu đô thị mới 2A Sở Dầu, quận Hồng Bàng.
3	Đấu giá QSDĐ Khu đất Đồng Chuối 1 (gai đoạn 2)	UBND quận Hồng Bàng	2,70	LUA	2,70	ODT	Hùng Vương	Tờ BĐ số 29,30,41,42	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 27/3/2019; Công văn số 1337/UBND-ĐC3 ngày 15/3/2019 của UBND TP về việc lập hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại khu Đồng Chuối 1, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng;
4	Đấu giá đất ở (vị trí 1 + vị trí 2) Khu đất cạnh trường Trung học cơ sở Bạch Đằng	UBND quận Hồng Bàng	0,35	CSD	0,35	ODT	Sở Dầu	Tờ BĐ số 45	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 18/12/2015; Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND TP phê duyệt KHSĐĐ năm 2019 quận Hồng Bàng.

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Loại đất hiện trạng năm 2019	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Để sử dụng vào loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Cộng	17 dự án	22,69		12,78				
B Công trình, dự án mới									
1	Dự án cải tạo, mở rộng đường Bến Bính tại phường Minh Khai	Sở GTVT	0,79	CQP, ODT, DHT, TSC	0,79	DHT	Minh Khai		Thông báo số 848-TB/TU ngày 22/8/2019 của Thành ủy Hải Phòng đồng ý triển khai xây dựng công trình mở rộng đường Bến Bính; Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của UBND TP phê duyệt Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình cải tạo sửa chữa, mở rộng đường Bến Bính; Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND thành phố.
2	Dự án xây dựng trường mầm non Bình Minh, cơ sở hạ tầng và cây xanh tại khu Đồng Tre	UBND quận Hồng Bàng	0,91	LUA	0,91	DHT	Quán Toan	Tờ BĐ số 07, 15	Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND thành phố; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 20/12/2019 của HĐND quận Hồng Bàng bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn quận Hồng Bàng 5 năm giai đoạn 2016-2020)
3	Dự án phát triển điện lực An Lạc - Trảng Bạch - Uông Bí	Tổng Công ty điện lực miền Bắc	0,06	LUA	0,06	DHT	Hùng Vương, Sở Dầu		Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố; Quyết định số 1659/QĐ-EVNNPC ngày 07/6/2018 của tổng Công ty điện lực miền Bắc về việc duyệt danh mục kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2018; Công văn số 1016/SXD-QHKT ngày 28/3/2019 của Sở Xây dựng về thỏa thuận hướng tuyến đường dây 110kV An Lạc - Trảng Bạch - Uông Bí

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Loại đất hiện trạng năm 2019	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Để sử dụng vào loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4	Dự án xây dựng bãi tập kết hàng hóa tại bãi bồi sông Cẩm phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng	Công ty TNHH SX&TM Hoàng Thành	1,89	CSD	1,89	TMD	Sở Dầu	Tờ BĐ số 24,25	Công văn số 2764/UBND-CT ngày 02/5/2013 của UBND TP về việc xử lý 02 dự án do Công ty TNHH SX&TM Hoàng Thành đầu tư trên địa bàn thành phố; Công văn 9302/UBND-XD ngày 28/11/2014 của UBND TP về việc hoàn thiện hồ sơ thuê 14.215,99 m ² đất xây dựng bãi tập kết hàng hóa tại bãi bồi sông Cẩm, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng của Công ty TNHH SX&TM Hoàng Thành.
	Cộng	04 dự án	3,65		3,65				
	Tổng A+B	21 dự án	26,34		16,43				